

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000009, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/5/2003, lần thứ 3 ngày 26/7/2006, đổi lần 4 ngày 11/10/2007.

Công ty đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu SCC.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Cung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Hùng	Thành viên
Ông Đào Quang Dũng	Thành viên
Ông Phạm Trọng Quý	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Quang Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thương	Phó Giám đốc
Ông Bùi Minh Lượng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trọng Quý	Phó Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài từ trang số 05 đến trang số 20 kèm theo.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý đảm bảo Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đào Quang Dũng

Giám đốc

Hòa Bình, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Số: /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và trang 3, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

Lưu ý

Việc ghi nhận Vốn và Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà với số tiền 1.800.000.000 đồng có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		39.117.590.095	37.417.499.553
I- Tiền	110	5.1	15.875.770.021	1.914.367.287
1. Tiền	111		5.875.770.021	1.914.367.287
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	13.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	3.000.000.000	13.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.063.680.614	8.615.135.830
1. Phải thu khách hàng	131		9.679.459.805	8.690.425.981
2. Trả trước cho người bán	132		33.957.600	140.081.600
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	740.620.829	1.070.995.787
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.390.357.620)	(1.286.367.538)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	10.959.767.343	13.498.256.307
1. Hàng tồn kho	141		10.959.767.343	13.498.256.307
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		218.372.117	389.740.129
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.960.771	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		197.411.346	389.740.129
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.504.881.960	10.196.602.199
I Các khoản phải thu dài hạn	210		550.000.000	550.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		550.000.000	550.000.000
II Tài sản cố định	220		6.345.679.743	5.646.602.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	5.025.679.743	4.236.602.199
- Nguyên giá	222		81.691.264.841	80.583.742.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.665.585.098)	(76.347.139.927)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.320.000.000	1.410.000.000
- Nguyên giá	228		1.800.000.000	1.800.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(480.000.000)	(390.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.468.000.000	4.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	3.468.000.000	4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		141.202.217	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	141.202.217	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		49.622.472.055	47.614.101.752

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		8.997.557.519	8.253.384.245
(300 = 310+330)				
I- Nợ ngắn hạn	310		8.486.155.310	7.846.804.235
2. Phải trả người bán	312		4.027.706.032	2.949.603.303
3. Người mua trả tiền trước	313		59.557.500	15.397.499
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	313.923.480	1.378.985.408
5. Phải trả người lao động	315		2.646.640.584	2.175.789.780
6. Chi phí phải trả	316	5.10	229.408.393	268.499.047
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.11	1.208.919.321	1.058.529.198
II- Nợ dài hạn	330		511.402.209	406.580.010
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		511.402.209	406.580.010
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.12	40.624.914.536	39.360.717.507
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410		40.586.045.412	39.223.379.923
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		19.800.000.000	19.800.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.366.318.570)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.917.665.295	13.228.879.822
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.684.505.776	1.483.389.556
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.550.192.911	4.711.110.545
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		38.869.124	137.337.584
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		38.869.124	137.337.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		49.622.472.055	47.614.101.752

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	TM	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài, tài sản giữ hộ		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		946.109.602	959.909.568
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đào Quang Dũng
Giám đốc

Hòa Bình, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Vũ Tiến Hưng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		84.579.396.007	69.231.140.990
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	84.579.396.007	69.231.140.990
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	74.395.455.372	59.948.197.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.183.940.635	9.282.943.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	3.550.442.727	2.281.073.500
7. Chi phí tài chính	22		5.021.650	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.865.327.994	2.664.691.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.923.383.265	3.733.486.817
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.940.650.453	5.165.838.768
11. Thu nhập khác	31	5.16	455.284.303	234.057.238
12. Chi phí khác	32	5.16	-	24
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.16	455.284.303	234.057.214
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.395.934.756	5.399.895.982
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.17	845.741.845	688.785.437
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.550.192.911	4.711.110.545
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.18	3.429	2.379

Đào Quang Dũng
Giám đốc

Hòa Bình, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Vũ Tiến Hưng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MS	Chỉ tiêu	TM	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận trước thuế		7.395.934.756	5.399.895.982
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.200.178.392	2.500.569.784
03	Các khoản dự phòng		103.990.082	(18.986.074)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.986.511.986)	(2.281.073.500)
08	Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LĐ		4.713.591.244	5.600.406.192
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		9.140.269.116	(9.196.060.051)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		2.538.488.964	(7.405.695.527)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		781.319.742	4.081.581.852
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(141.202.217)	(73.016.079)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(482.380.711)	(307.581.587)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		319.474.869	255.072.521
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(473.503.066)	(305.154.395)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD		16.396.057.941	(7.350.447.074)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.053.294.719)	(175.681.975)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		485.200.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.814.240.000	-
27	Tiền lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		2.232.664.082	2.281.073.500
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.478.809.363	2.105.391.525
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.366.318.570)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.547.146.000)	(3.162.032.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính		(4.913.464.570)	(3.162.032.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		13.961.402.734	(8.407.087.549)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.914.367.287	10.321.454.836
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	15.875.770.021	1.914.367.287

Đào Quang Dũng
Giám đốc

Hòa Bình, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Vũ Tiến Hưng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp với Điều lệ tổ chức hoạt động đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 23/11/2002.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000009, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/5/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/7/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/10/2007.

Theo đăng ký kinh doanh số 2503000009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/10/2007, vốn điều lệ của Công ty là 19.800.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú</u>
Tổng Công ty Sông Đà	G10, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ông Đào Quang Dũng	Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Ông Phạm Văn Cung	Số 65, Trần Hưng Đạo, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Ông Nguyễn Công Thưởng	Tổ 2B, Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Ông Kiều Quang Thành	Tổ 14, Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khác (khai thác tận thu nguyên liệu sản xuất xi măng)
- Sản xuất bao bì bằng giấy (vỏ bao xi măng);
- Sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật khác (Công nghiệp “vỏ bao che”);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác: (Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân);

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất xi măng và vận chuyển hàng hóa.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B 09 - DN

3. Áp dụng các Chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Năm 2009, Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán so với năm trước, cụ thể:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng khoản phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao năm 2009

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Dụng cụ quản lý	03 - 10

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Sông Đà, được xác định theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/5/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/5/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ Công ty bằng giá trị thương hiệu Sông Đà và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/5/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà.

Tài sản cố định vô hình nêu trên được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 20 năm.

4.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

4.8 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2009, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo Thông báo số 1329/TB- CT ngày 29/10/2007 của Cục thuế tỉnh Hòa Bình về ưu đãi miễn, giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp chuyển đổi cổ phần và niêm yết chứng khoán.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**5.1 Tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	12.448.735	107.992.602
Tiền gửi ngân hàng	5.863.321.286	1.806.374.685
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	-
Tổng	15.875.770.021	1.914.367.287

(*) : Đây là khoản tiền gửi dưới 03 tháng sẽ đáo hạn.

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	3.000.000.000	13.000.000.000
Tổng	3.000.000.000	13.000.000.000

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cho vay vốn tạo việc làm	4.000.000	23.000.000
Cổ tức thủy điện Nậm Mu	570.000.000	570.000.000
Tiền BHXH, BHYT phải thu của nhân viên	52.019.711	41.806.263
Quỹ phúc lợi chờ quyết toán	107.205.754	28.106.816
Tiền mua cổ phiếu quỹ	-	400.000.000
Các khoản khác	7.395.364	8.082.708
Tổng	740.620.829	1.070.995.787

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.360.235.158	9.359.549.625
Công cụ, dụng cụ	70.685.189	64.807.302
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.982.978.973	3.471.233.457
Thành phẩm	545.868.023	602.665.923
Giá trị ban đầu của hàng tồn kho	10.959.767.343	13.498.256.307
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	10.959.767.343	13.498.256.307

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2009	42.236.322.676	32.705.929.664	5.328.242.429	313.247.357	80.583.742.126
Tăng trong năm	-	-	1.899.255.936	-	1.899.255.936
Mua trong năm	-	-	1.899.255.936	-	1.899.255.936
Giảm trong năm	-	-	791.733.221	-	791.733.221
Thanh lý tài sản	-	-	791.733.221	-	791.733.221
Số dư tại 31/12/2009	42.236.322.676	32.705.929.664	6.435.765.144	313.247.357	81.691.264.841
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2009	41.966.126.335	30.816.250.353	3.402.319.274	162.443.965	76.347.139.927
Tăng trong năm	251.966.273	383.238.645	441.822.408	33.151.066	1.110.178.392
Khấu hao trong năm	251.966.273	383.238.645	441.822.408	33.151.066	1.110.178.392
Giảm trong năm	-	-	791.733.221	-	791.733.221
Thanh lý tài sản	-	-	791.733.221	-	791.733.221
Số dư tại 31/12/2009	42.218.092.608	31.199.488.998	3.052.408.461	195.595.031	76.665.585.098
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2009	270.196.341	1.889.679.311	1.925.923.155	150.803.392	4.236.602.199
Tại 31/12/2009	18.230.068	1.506.440.666	3.383.356.683	117.652.326	5.025.679.743

5.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà, được ghi nhận này căn cứ theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/5/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/5/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/5/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà. Tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư mua cổ phiếu tại:		
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi</i>	<i>468.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
Tổng	3.468.000.000	4.000.000.000

Số lượng cổ phần Thủy điện Nà Lơi và Nậm Mu tương ứng là 46.800 cổ phần và 300.000 cổ phần.

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2009
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Tăng trong năm	147.620.500
Giảm trong năm	6.418.283
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>6.418.283</i>
Tại ngày 31 tháng 12	141.202.217

Số dư là chi phí sửa chữa lớn tài sản chưa phân bổ.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	823.137.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	294.844.120	482.380.711
Thuế tài nguyên	5.127.360	3.491.480
Các loại thuế khác	-	53.349.807
Khoản phí, lệ phí và các khoản phải trả khác	13.952.000	16.626.000
Tổng	313.923.480	1.378.985.408

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí tiêu thụ xi măng	125.695.838	103.499.047
Trích trước chi phí khuyến mại	103.712.555	165.000.000
Tổng	229.408.393	268.499.047

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	186.573.772	157.612.542
Kinh phí hoạt động Đảng	854.599	6.787.693
Bảo lãnh dự thầu	10.000.000	70.000.000
Đoàn phí	952.034	1.524.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.010.538.916	822.604.963
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>22.972.165</i>	<i>16.738.165</i>
<i>Các quỹ Sông Đà</i>	<i>211.559.923</i>	<i>258.411.027</i>
<i>Ngô Thái Cơ - Phòng VTTT</i>	<i>473.772.535</i>	<i>308.050.968</i>
<i>Nguyễn Văn Toàn - Phòng TCHC</i>	<i>6.208.000</i>	<i>22.225.000</i>
<i>Nguyễn Văn Giá - Phòng vật tư</i>	<i>269.132.847</i>	<i>186.792.551</i>
<i>Ủng hộ đồng bào lũ lụt</i>	<i>7.820.000</i>	-
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>19.073.446</i>	<i>30.387.252</i>
Tổng	1.208.919.321	1.058.529.198

5.12 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	7.517.000.000	7.517.000.000
Vốn của cổ đông khác	12.283.000.000	12.283.000.000
Tổng	19.800.000.000	19.800.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ	92.400	-
-----------------------	--------	---

b. Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức phân phối lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	19.800.000.000	19.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	19.800.000.000	19.800.000.000
Cổ tức đã chia	3.553.380.000	3.168.000.000

Trong năm 2009, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2008 theo:

- Nghị quyết số 05/2009/NQ-ĐHCD ngày 16/4/2009 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2009, trong đó, tỷ lệ chi trả cổ tức là 15% vốn điều lệ/năm. Cổ tức được chi trả cho cổ đông theo danh sách chốt ngày 06/3/2009 do Trung tâm lưu lý chứng khoán cung cấp.
- Nghị quyết số 09/NQ-ĐHCD ngày 27/7/2009 của Đại hội cổ đông, trong đó chia bổ sung 3% cổ tức năm 2008 số tiền 592.230.000 đồng từ nguồn quỹ Đầu tư phát triển cho các cổ đông theo danh sách chốt ngày 06/3/2009 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng
Số dư 01/01/2008	19.800.000.000	-	1.260.573.638	12.307.046.136	4.711.406.928	28.734.655	38.107.761.357
Tăng trong năm	-	-	222.815.918	921.833.686	4.711.110.545	413.757.324	6.269.517.473
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	4.711.110.545	-	4.711.110.545
Phân phối lợi nhuận	-	-	222.815.918	921.833.686	-	398.757.324	1.543.406.928
Tăng khác	-	-	-	-	-	15.000.000	15.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.711.406.928	305.154.395	5.016.561.323
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.543.406.928	-	1.543.406.928
Chi KT-PL	-	-	-	-	-	305.154.395	305.154.395
Chia cổ tức	-	-	-	-	3.168.000.000	-	3.168.000.000
Số dư 31/12/2008	19.800.000.000	-	1.483.389.556	13.228.879.822	4.711.110.545	137.337.584	39.360.717.507
Số dư 01/01/2009	19.800.000.000	-	1.483.389.556	13.228.879.822	4.711.110.545	137.337.584	39.360.717.507
Tăng trong năm	-	(1.366.318.570)	201.116.220	1.281.015.473	6.550.192.911	267.828.852	6.933.834.886
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	6.550.192.911	-	6.550.192.911
Mua cổ phiếu quỹ	-	(1.366.318.570)	-	-	-	-	(1.366.318.570)
Phân phối lợi nhuận	-	-	201.116.220	1.281.015.473	-	267.828.852	1.749.960.545
Giảm trong năm	-	-	-	592.230.000	4.711.110.545	366.297.312	5.669.637.857
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.749.960.545	-	1.749.960.545
Chi KT-PL	-	-	-	-	-	366.297.312	366.297.312
Chia cổ tức	-	-	-	592.230.000	2.961.150.000	-	3.553.380.000
Số dư 31/12/2009	19.800.000.000	(1.366.318.570)	1.684.505.776	13.917.665.295	6.550.192.911	38.869.124	40.624.914.536

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	Năm 2009 (cổ phiếu)	Năm 2008 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.980.000	1.980.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	92.400	-
+ Cổ phiếu phổ thông	92.400	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.887.600	1.980.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.887.600	1.980.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	10.000 VND

5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán xi măng	83.593.715.222	68.097.111.073
Doanh thu khác	985.680.785	1.134.029.917
Tổng	84.579.396.007	69.231.140.990

5.14 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn thành phẩm xi măng	73.540.147.120	58.848.944.017
Giá vốn khác	855.308.252	1.099.253.511
Tổng	74.395.455.372	59.948.197.528

5.15 Doanh thu tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.602.664.082	1.793.519.862
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.282.240.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	630.000.000	480.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	35.538.645	7.553.638
Tổng	3.550.442.727	2.281.073.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.16 Thu nhập khác

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thu nhập khác	455.284.303	234.057.238
Bán phế liệu, thanh lý tài sản	441.090.909	200.880.952
Nợ đã xóa nay thu lại được	11.699.994	18.314.381
Thu khác	2.493.400	14.861.905
Chi phí khác	-	24
Lợi nhuận khác	455.284.303	234.057.214

5.17 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.395.934.756	5.399.895.982
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	630.000.000	480.000.000
Thu nhập chịu thuế	6.765.934.756	4.919.895.982
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.691.483.689	1.377.570.875
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	845.741.844	688.785.437
Chi phí thuế TNDN hiện hành	845.741.845	688.785.437

5.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.550.192.911	4.711.110.545
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.550.192.911	4.711.110.545
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành BQ trong năm	1.909.959	1.980.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.429	2.379

5.19 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.092.544.994	39.987.673.016
Chi phí nhân công	19.305.096.293	16.828.095.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.200.178.392	2.500.569.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.472.973.727	10.033.965.012
Chi phí khác bằng tiền	4.683.098.677	3.888.329.707
Tổng	90.753.892.083	73.238.633.145

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	376.000.000	381.508.717
Lương Ban Giám đốc	553.939.686	510.752.002

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND

Các giao dịch bán

Công ty CP Simco Sông Đà	71.923.809	257.700.000
Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 1	31.619.048	-
Công ty Cổ phần dịch vụ SUDICO	22.857.141	83.750.000

Tổng

126.399.998	341.450.000
--------------------	--------------------

Các giao dịch mua

Xí nghiệp Sông Đà 12.7 - Công ty Sông Đà 12	10.524.210.065	19.305.289.024
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Đà	931.200.000	4.129.260.000
Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	45.914.340	51.650.000

Tổng

11.455.410.065	23.434.549.024
-----------------------	-----------------------

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND

Các khoản phải thu

Xí nghiệp Sông Đà 12.3-Công ty CP Sông Đà 12	-	132.764.947
Công ty Cổ phần dịch vụ SUDICO	65.750.000	53.750.000
Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 1 tại Hà Nội	16.800.000	-
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	59.120.000	111.430.000

Tổng

141.670.000	297.944.947
--------------------	--------------------

Các khoản phải trả

Xí nghiệp Sông Đà 12.4-Công ty CP Sông Đà 12	-	595.800.459
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Đà	442.140.000	846.634.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sông Đà	17.860.000	41.650.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	1.904.141.190	-

Tổng

2.364.141.190	1.484.084.459
----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

7. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Đào Quang Dũng
Giám đốc

Hòa Bình, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Vũ Tiến Hưng
Kế toán trưởng